TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2024/KDTM-ST
Ngày: 13-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngyễn Bảo Lâm

2. Bà Nguyễn Thị Lương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Long Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2023/TLST-KDTM ngày 19 tháng 10 năm 2023 về: "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 518/2024/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C; Trụ sở: Tầng B Cao ốc S T, phường B, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Thị Tuyết N; Địa chỉ: Tầng B Cao ốc S T, phường B, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy ủy quyền số 309.2023/GUQ-COL ngày 06/6/2023

Bị đơn: Công ty Cổ phần K; Trụ sở: 154/01/42 C, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn H – sinh ngày 18/08/1963; Địa chỉ: 154/01/42 C, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Trọng T – sinh năm 1961; Địa chỉ: 1 Ấp N, xã X, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C do bà Phạm Thị Tuyết N là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 28/5/2020, Công ty C (sau đây gọi là nguyên đơn) và Công ty Cổ phần K (sau đây gọi là bị đơn) đã ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số B200523605. Cùng ngày, ông Trần Trọng T có ký nhận thư bảo lãnh cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho bị đơn trường hợp Công ty K không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê.

Ngày 22/6/2020, nguyên đơn đã ký hợp đồng mua dây chuyền máy nghiền sàng than công suất 108T/H từ Công ty TNHH T2 và cho bị đơn thuê tài chính với tổng giá trị của tài sản là 1.380.500.000 đồng, trong đó bị đơn trả trước 414.150.000 đồng, nguyên đơn tài trợ vốn ("Giá trị thuê") là 966.350.000 đồng. Lãi suất thuê 11.06%/năm. Thời hạn thuê là 60 tháng, bắt đầu từ ngày 28/8/2020 đến ngày 15/8/2025. Hàng tháng, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà nguyên đơn đã cho thuê cùng các khoản lãi theo hợp đồng thuê. Trước khi bị đơn trả hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi, nguyên đơn vẫn là chủ sở hữu của tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, v.v. đối với tài sản thuê. Công ty K đã ký biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản thuê vào ngày 28/8/2020.

Ngày 23/5/2023, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định của Hợp đồng thuê, nguyên đơn đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền còn nợ theo hợp đồng thuê.

Ngày 01/6/2023, nguyên đơn phát hành thư yêu cầu thanh toán về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền thuê để yêu cầu ông Trần Trọng T thanh toán theo nội dung Thư bảo lãnh cá nhân đã ký nhưng đến nay ông Trần Trọng T vẫn chưa thanh toán số tiền mà bị đơn còn nợ.

Sau khi chấm dứt hợp đồng thuê vào ngày 02/6/2023, bị đơn chỉ thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 42.582.867 đồng. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết những nội dung sau:

Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền còn nợ phát sinh trên Hợp đồng cho thuê tài chính số B200523605 ký ngày 28/5/2020 gồm nợ gốc là: 440.592.113 đồng, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho thuê tài chính tính từ ngày cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp bị đơn không thanh toán đầy đủ khoản nợ nêu trên, buộc người bảo lãnh là ông Trần Trọng T có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ còn lại.

Sau khi Công ty K trả hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C sẽ chuyển quyền sở hữu tài sản thuê và hoàn trả bản chính các chứng từ có liên quan đến tài sản thuê theo quy định tại Điều 25 hợp đồng thuê.

Bị đơn – có ông Lê Văn H là đại diện theo pháp luật của bị đơn – Công ty Cổ phần K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và tại bản tự khai ngày 26/02/2024 trình bày: Bị đơn xác nhận quá trình ký và thực hiện hợp đồng cho thuê tài chính như đại diện nguyên đơn trình bày. Thời điểm ký hợp đồng cho thuê tài chính, phía ông T là đại diện theo pháp luật, phía ông T cũng đã tự ý bán tài sản thuê tài chính, hiện không còn và cũng không bàn giao hồ sơ thuê. Hiện nay, phía bị đơn không còn hoạt động và không có khả năng thanh toán cho nguyên đơn các khoản tiền gốc, lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng trên số dư nợ gốc cho đến khi trả hết nợ. Do đó, bị đơn đề nghị Tòa buộc ông T có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền như nêu trên cho nguyên đơn theo nội dung thư bảo lãnh cá nhân của ông Trần Trọng T ký ngày 28/5/2020. Đồng thời bị đơn có đơn đề nghị vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trần Trọng T: Vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Do các đương sự không có mặt đầy đủ và nguyên đơn có yêu cầu không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên những lời trình bày tại tòa cũng như yêu cầu khởi kiện. Cụ thể, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn ngay một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật số tiền 594.868.738 đồng, gồm:

- Nợ gốc là: 440.592.113 đồng;
- Nợ lãi trong hạn tính đến ngày 25/5/2023 là: 104.681.991 đồng;
- Nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 16/5/2023 đến ngày 13/8/2024 là: 49.594.634 đồng.

Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 14/8/2024 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong các hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp bị đơn không thanh toán đầy đủ khoản nợ nêu trên, buộc người bảo lãnh là ông Trần Trọng T có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền còn nợ.

Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trần Trọng T: Vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa ngày hôm nay thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính, tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn có địa chỉ trụ sở chính tại tại quận T nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Phía bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan dù đã được triệu tập hợp lệ tại phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và

khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử và dành quyền kháng cáo cho những đương sự vắng mặt theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền thuê còn nợ tạm tính đến ngày 13/8/2024 gồm: Nợ gốc là: 440.592.113 đồng; Nợ lãi trong hạn tính đến ngày 25/5/2023 là: 104.681.991 đồng và nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 16/5/2023 đến ngày 13/8/2024 là: 49.594.634 đồng, thấy*:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho thấy đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình đối với các yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn, bị đơn cung cấp có cơ sở xác định:

Ngày 28/5/2020, nguyên đơn và bị đơn đã ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số B200523605. Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của bị đơn theo hợp đồng đã ký, nguyên đơn có chấp nhận Thư bảo lãnh cá nhân của ông ông Trần Trọng T được ký cùng ngày.

Thực hiện hợp đồng thuê, nguyên đơn đã ký hợp đồng mua bán số B200523605-PC với Công ty TNHH T2 để mua Tài sản thuê theo Hợp đồng thuê và cho bị đơn thuê lại tài sản này. Bị đơn đã ký biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản thuê vào ngày 28/8/2020.

Xét thấy hình thức và nội dung thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 4, Điều 112, Điều 113 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 3, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22 Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động của Công ty tài chính và Công ty C thuê tài chính; khoản 18, khoản 19 Điều 3, Điều 35, Điều 36 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn gửi thông báo chấm dứt hợp đồng thuê, yêu cầu bị đơn thanh toán và yêu cầu ông Trần Trọng T thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh để thanh toán tổng số tiền còn nợ theo hợp đồng thuê nhưng cả hai đều không thực hiện.

Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 7 của Hợp đồng cho thuê tài chính số B200523605 ngày 28/5/2020, không thanh toán tiền thuê đúng hạn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền thuê còn nợ như trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, bị đơn còn phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 14/8/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho thuê tài chính đã ký giữa hai bên.

Ngày 26/4/2023, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã lập biên bản làm việc ghi nhận việc bị đơn đã bán tài sản thuê và cam kết sẽ thực hiện việc thanh toán các khoản thuê theo hợp đồng đã ký kết. Do đó, nguyên đơn không yêu cầu việc bị đơn giao trả tài sản thuê nên hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Do tài sản thuê được nguyên đơn ký hợp đồng mua bán và cho bị đơn thuê dưới hình thức cho vay tài chính tương ứng với giá trị khoản vay của tài sản này nên trường hợp sau khi bị đơn thanh toán toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng thì nguyên đơn phải thực hiện chuyển quyền sở hữu tài sản thuê và hoàn trả bản chính các chứng từ có liên quan đến tài sản thuê theo hợp đồng mua dây chuyền máy nghiền sàng than công suất 108T/H ngày 22/6/2020.

[2.2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh:*

Tại Thư bảo lãnh cá nhân được lập ngày 28/5/2020, ông Trần Trọng T đã đồng ý bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán của bị đơn đối với nguyên đơn theo hợp đồng cho thuê tài chính số B200523605 được ký cùng ngày, thể hiện:

"Bằng thư này, Bên Bảo lãnh đồng ý rằng, trong trường hợp Bên Thuê không thể thực hiện được bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào theo Hợp Đồng Thuê vì bất cứ lý do gì, Bên Bảo Lãnh phải thực hiện (các) nghĩa vụ này theo yêu cầu lần đầu bằng văn bản của B cho T1 mà Bên Cho T1 không phải thu hồi và xử lý tài sản thuê theo Hợp Đồng Thuê và cũng không phải xuất trình bất kỳ một tài liệu hoặc bàng chứng nào cho Bên Bảo Lãnh ". Như vậy, việc ông T ký kết Thư bảo lãnh cá nhân nêu trên là tự nguyện, nội dung thư bảo lãnh phù hợp với Điều 335 và Điều 336 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Mặt khác, các bên đều xác nhận tài sản thuê đã bán nên trường hợp bị đơn không có khả năng thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì ông Trần Trọng T phải chịu trách nhiệm thanh toán hết nghĩa vụ theo quy định tại Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] *Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh*: Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã đóng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 335, Điều 336, Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 4 Điều 4, Điều 112, Điều 113 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Áp dụng Điều 3, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22 Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động của Công ty C và Công ty C;

- Áp dụng khoản 18, khoản 19 Điều 3, Điều 35, Điều 36 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C:

1.1. Buộc Công ty Cổ phần K thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C số tiền thuê còn nợ tính đến ngày 13/8/2024 là 594.868.738 đồng (Năm trăm chín mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn bảy trăm ba mươi tám đồng), bao gồm: Nợ gốc là 440.592.113 (Bốn trăm bốn mươi triệu năm trăm chín mươi hai ngàn một trăm mười ba đồng); Nợ lãi trong hạn tính đến ngày 25/5/2023 là 104.681.991 đồng (Một trăm lẻ bốn triệu sáu trăm tám mươi mốt ngàn chín trăm chín mươi mốt đồng) và lãi chậm thanh toán tính từ ngày 26/5/2023 đến 13/8/2024 là 49.594.634 đồng (Bốn mươi chín triệu năm trăm chín mươi bốn ngàn sáu trăm ba mươi bốn đồng).

1.2. Công ty Cổ phần K tiếp tục thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 14/8/2024 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính số B200523605 ngày 28/5/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

1.3. Trường hợp Công ty Cổ phần K không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền thuê còn nợ nêu trên, buộc người bảo lãnh là ông Trần Trọng T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty C theo như nội dung Thư bảo lãnh cá nhân đối với hợp đồng cho thuê tài chính đã ký thực hiện bảo lãnh cho đến khi hết số tiền thuê còn nợ.

1.4. Sau khi Công ty Cổ phần K thanh toán hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi nêu trên, Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C thực hiện chuyển quyền sở hữu tài sản thuê và hoàn trả bản chính các chứng từ có liên quan đến tài sản thuê theo hợp đồng mua dây chuyền máy nghiền sàng than công suất 108T/H ngày 22/6/2020.

Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần K phải chịu án phí là 27.794.750 đồng (Hai mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi bốn ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C được nhận lại số tiền 12.925.884 đồng (Mười hai triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn tám trăm tám mươi bốn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0023755 ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP . HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ (…).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Bích Thảo